

SỞ Y TẾ BẮC GIANG  
TRUNG TÂM Y TẾ  
HUYỆN SƠN ĐỘNG

Số: 583/TTYT-DVT&TTYT  
V/v yêu cầu báo giá trang thiết bị y tế.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn Động, ngày 27 tháng 9 năm 2024

**Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.**

Trung tâm Y tế huyện Sơn Động có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán mua sắm Trang thiết bị y tế của Trung tâm y tế huyện Sơn Động với nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Sơn Động

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

- Chức vụ: Trưởng Khoa Dược, vật tư – TTYT

- Số điện thoại: 0394404893

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Bản báo giá /biểu báo giá phải do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của nhà cung cấp kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

- Địa chỉ hộp thư điện tử: [ttyt\\_sondong@bacgiang.gov.vn](mailto:ttyt_sondong@bacgiang.gov.vn) và [hangtтыtsd81@gmail.com](mailto:hangtтыtsd81@gmail.com)

- Địa chỉ nhận bản gốc báo giá: Trung tâm Y tế huyện Sơn Động. Tổ dân phố Thượng 2, thị trấn An Châu, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

- Mọi thắc mắc liên hệ bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, Trưởng Khoa Dược-vật tư, TTYT, Số điện thoại: 03944048934.

- Thời gian tiếp nhận báo giá: **Từ ngày 27 tháng 9 năm 2024 đến trước 18 giờ 30 phút ngày 06 tháng 10 năm 2024.**

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu **100 ngày** kể từ ngày 06/10/2024.

**II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính, yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	<b>Máy sóng ngắn</b>	<p><b>A.Yêu cầu chung:</b>  Máy mới 100%  Sản xuất năm 2024 trở về sau  Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương  Điều kiện môi trường hoạt động: theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.  Nguồn điện: 220 - 240 V, 50/60Hz</p> <p><b>B.Yêu cầu cấu hình:</b>  Máy chinh kèm xe đẩy có bánh xe: 01 bộ  Cánh tay kim loại <math>\geq 01</math> cái  Điện cực <math>\geq 01</math> cái.  Cáp nguồn: 01 cái  Bộ dụng cụ lắp ráp: 01 bộ  Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ</p> <p><b>C.Yêu cầu về kỹ thuật</b>  Thiết bị sử dụng điều trị linh hoạt tất cả các vị trí .  Các kiểu phát sóng: liên tục và xung.  Công suất phát sóng chế độ xung: <math>\geq 200W</math>.  Công suất phát sóng chế độ liên tục: <math>\geq 100W</math>  Chương trình cài đặt sẵn: <math>\geq 60</math> chương trình được chia theo từng khoa điều trị  Chương trình do người dùng cài đặt: <math>\geq 100</math> chương trình của người dùng cài đặt,  Màn hình hiển thị tất cả các tham số liên quan đến điều trị;  Tần số hoạt động: <math>\geq 27.12</math> Mhz  Thời gian điều trị: 1 – <math>\geq 30</math> phút  Độ dài xung (ở chế độ xung): <math>\leq 50\mu s</math> đến <math>\geq 400 \mu s</math>  Tần số xung (ở chế độ xung): <math>\leq 50</math> Hz đến <math>\geq 800</math> Hz  Cấp bảo vệ điện: Cấp I  Loại bộ phận áp dụng: BF hoặc tương đương</p>	Chiếc	01
2	<b>Máy siêu âm mắt A/B</b>	<p><b>A. Yêu cầu chung:</b>  Máy mới 100%.  Sản xuất từ năm 2023 trở về sau.  Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.  Nguồn điện: 220 - 240 V, 50/60Hz  Điều kiện môi trường hoạt động: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.</p> <p><b>B. Yêu cầu cấu hình :</b></p>	Chiếc	01

		<p>Máy chính siêu âm tích hợp màn hình điều khiển chạm: 01 cái  Đầu dò siêu âm A: 01 cái  Đầu dò siêu âm B: 01 cái  Dây cáp kết nối đầu dò : 01 bộ  Cáp nguồn: 01 cái  Bàn đạp điều khiển: 01 cái  Máy in màu (mua trong nước): 01 cái  Bàn phím không dây (mua trong nước) : 01  Chuột không dây (mua trong nước) : 01.  Bộ đo nhúng siêu âm: 01 bộ  Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, tiếng Việt: 01 bộ</p> <p><b>C.Thông số kỹ thuật:</b>  <b>1.Chức năng sử dụng của thiết bị:</b>  + Siêu âm đo trực nhãn cầu và một số thông số sinh trắc của Mắt (siêu âm A)  + Siêu âm đánh giá khu vực bán phần sau của Mắt (siêu âm B)  + Thiết bị có thể nâng cấp về sau chức năng siêu âm đo độ dày giác mạc và chức năng siêu âm bán phần trước nhãn cầu.</p> <p><b>2. Tính năng kỹ thuật của thiết bị:</b>  + Thiết bị có khả năng phóng to thu nhỏ liên tục, tái tạo hình ảnh dựa trên phóng đại nội suy ở mỗi mức phóng đại để tối ưu chất lượng ảnh.  + Thiết bị có thể phóng đại hình ảnh lên tới <math>\geq 4x</math>  + Thiết bị có khả năng tự động gắn chú thích lên các hình ảnh và đoạn video  + Ổ cứng lưu trữ <math>\geq 128GB</math>.  + Thiết bị có khả năng kết nối thông qua: Wi-Fi tần số kép 802.11n và Bluetooth 4.0.; GigE Ethernet LAN và các cổng USB 3.0.  + Màn hình chạm <math>\geq 10</math> inches ; Độ phân giải <math>\geq 1280 \times 800</math> pixel</p> <p><b>3. Thông số đầu dò A</b>  - Đầu dò siêu âm A có tần số <math>\geq 10MHz</math>  + Thiết bị có thể thống kê trung bình, tính toán độ lệch tiêu chuẩn cho <math>\geq 10</math> lần đo trên một bệnh nhân.  + Thiết bị có chức năng nhập vận tốc truyền sóng siêu âm cho các vùng mô khác nhau  - Đo lường: Độ sâu tiền phòng, độ dày thủy tinh thể, dịch kính, độ dài trục nhãn cầu.  - Các công thức tính Thủy tinh thể gồm: Công thức tiêu chuẩn: Binkhorst, Regresion-II, Theoretic/T và</p>		
--	--	--	--	--

		<p>Hofer-Q, Haigis, Holladay và Công thức dùng sau phẫu thuật khúc xạ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết bị có cơ sở dữ liệu lưu trữ sẵn tối thiểu <math>\geq 1.500</math> loại thủy tinh thể phổ biến trên thị trường</li> </ul> <p><b>4. Thông số đầu dò B</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu dò siêu âm B có tần số <math>\geq 12</math> MHz.</li> <li>- Mẫu quét hình ảnh siêu âm phải lấy dữ liệu từ tối thiểu <math>\geq 500.000</math> điểm tham chiếu để cho ra hình ảnh chi tiết, sắc nét.</li> <li>- Thiết bị phải có các công cụ điều chỉnh khuếch đại: khuếch đại thời gian thay đổi, Đường cơ bản, khuếch đại Logarithmic và khuếch đại hàm số mũ (e-gain).</li> <li>- Chụp và lưu lại <math>\geq 50</math> hình từ video, với tốc độ quét lên tới <math>\geq 20</math> khung hình/giây.</li> <li>- Thiết bị cho phép xem lại đoạn video, xem tua chậm, xem dừng hình video.</li> <li>- Thiết bị cho phép cài đặt trước các cấu hình siêu âm để tối ưu hóa chất lượng hình ảnh tại các khu vực khác nhau của Nhãn cầu.</li> <li>- Bộ nhớ lưu được <math>\geq 6</math> đoạn video/mỗi mắt/mỗi lần đo, có thể dễ dàng thêm hoặc xóa các đoạn video từ hồ sơ khám.</li> <li>- Thiết bị có chức năng lưu lại nhiều hình ảnh từ các đoạn video và chèn các chú thích lên hình.</li> <li>- Thiết bị có khả năng hiển thị sóng A-Scan trên hình chụp B-Scan</li> </ul>		
3	<p><b>Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)</b></p>	<p><b>A. Yêu cầu chung:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy mới 100%.</li> <li>- Sản xuất từ năm 2024.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.</li> <li>Nguồn điện: 220V <math>\pm 10\%</math>, 50Hz</li> <li>- Điều kiện môi trường hoạt động: theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.</li> </ul> <p><b>B. Yêu cầu cấu hình:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ xử lý hình ảnh: 01 chiếc</li> <li>- Nguồn sáng nội soi: 01 chiếc</li> <li>- Màn hình Full HD <math>\geq 27</math> inch: 01 chiếc</li> <li>- Ống nội soi dạ dày video kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 chiếc</li> <li>- Ống nội soi đại tràng video kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 chiếc</li> <li>- Dụng cụ kiểm tra rò rỉ: 01 chiếc</li> <li>- Kim sinh thiết dạ dày, dùng 1 lần : 20 chiếc.</li> <li>- Kim sinh thiết đại tràng dùng 1 lần: 20 chiếc.</li> </ul>	<p>Hệ Thống</p>	<p>01</p>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xe đẩy hệ thống: 01 chiếc.</li> <li>- Máy hút dịch 2 bình: 01 chiếc.</li> <li>- Máy bơm tưới rửa: 01 chiếc.</li> <li>- Dao mổ điện cao tần: 01 chiếc</li> <li>- Hệ thống in trả kết quả, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Máy tính: 01 chiếc</li> <li>+ Màn hình LCD: 01 chiếc</li> <li>+ Máy in màu: 01 chiếc</li> </ul> </li> </ul> <p><b>C. Yêu cầu kỹ thuật</b></p> <p><b>1. Bộ xử lý hình ảnh:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ xử lý hình ảnh nội soi cung cấp chất lượng hình ảnh HDTV hoặc cao hơn</li> <li>- Tín hiệu đầu ra tương thích tối thiểu với : Analog HDTV, Analog SDTV, HD-SDI.</li> <li>- Điều chỉnh tông màu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đỏ: <math>\geq 8</math> bước</li> <li>+ Xanh: <math>\geq 8</math> bước</li> <li>+ Chroma: <math>\geq 8</math> bước</li> </ul> </li> <li>- Điều chỉnh độ sáng tự động.</li> <li>- Có chức năng chống động sương khi kết nối với ống soi có tính năng tương thích.</li> <li>- Có hỗ trợ công nghệ tăng cường hình ảnh quang học ở dải bước sóng hẹp hoặc tương đương giúp cải thiện quan sát mạch máu và các cấu trúc khác</li> </ul> <p><b>2. Nguồn sáng nội soi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bóng đèn chính: Bóng đèn (Xenon hoặc bóng đèn LED <math>\geq 4</math> bóng LED) công suất <math>\geq 300W</math></li> <li>- Tuổi thọ trung bình của bóng: <math>\geq 500</math> giờ sử dụng liên tục</li> <li>- Tự động điều chỉnh ánh sáng</li> <li>- Bơm khí: Loại bơm màng hoặc tương đương.</li> <li>- Áp lực bơm khí: <math>\geq 4</math> mức độ (tắt, thấp, trung bình, cao...)</li> <li>- Có hỗ trợ công nghệ tăng cường hình ảnh quang học ở dải bước sóng hẹp hoặc tương đương giúp cải thiện quan sát mạch máu và các cấu trúc khác</li> </ul> <p><b>3. Màn hình Full HD <math>\geq 27</math> inch</b></p> <p>Màn hình a-Si TFT Active Matrix LCD hoặc IPS LCD/LED hoặc tương đương</p> <p>Độ phân giải: <math>\geq 1920 \times 1080</math> pixels</p> <p>Độ sáng: <math>\geq 300</math> cd/m<sup>2</sup></p> <p>Tỷ lệ tương phản: <math>\geq 1000:1</math></p> <p>Màu: khoảng <math>\geq 16</math> triệu màu</p> <p>Góc nhìn: <math>\geq 89^\circ / 89^\circ / 89^\circ / 89^\circ</math></p> <p><b>4. Ống nội soi dạ dày video</b></p>		
--	--	---	--	--

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp hình ảnh độ phân giải cao HDTV hoặc cao hơn</li> <li>- Có hỗ trợ công nghệ tăng cường hình ảnh quang học ở dải bước sóng hẹp hoặc tương đương giúp cải thiện quan sát mạch máu và các cấu trúc khác</li> <li>- Trường nhìn: <math>\geq 140^\circ</math></li> <li>- Hướng nhìn thẳng</li> <li>- Độ sâu trường nhìn: <math>\leq 2 - \geq 100</math> mm</li> <li>- Đường kính ngoài của đầu cuối ống soi: <math>\leq 9.2</math> mm</li> <li>- Đường kính ngoài của thân ống soi: <math>\leq 9.3</math> mm</li> <li>- Đường kính bên trong kênh dụng cụ: <math>\geq 2.8</math> mm</li> <li>- Khoảng cách tối thiểu để nhìn thấy dụng cụ: <math>\leq 3.0</math> mm từ đầu cuối ống soi</li> <li>- Đầu cuối ống soi gồm tối thiểu 6 thành phần: 1 kênh khí/nước, 2 đường dẫn sáng, 1 thấu kính, 1 đầu ra kênh dụng cụ, 1 kênh tưới nước</li> <li>- Độ uốn cong của đầu ống soi: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hướng lên: <math>\geq 210^\circ</math></li> <li>+ Hướng xuống: <math>\geq 90^\circ</math></li> <li>+ Hướng phải: <math>\geq 100^\circ</math></li> <li>+ Hướng trái: <math>\geq 100^\circ</math></li> </ul> </li> <li>- Chiều dài làm việc: <math>\geq 1.000</math> mm</li> <li>- Chiều dài tổng: <math>\geq 1.300</math> mm</li> </ul> <p><b>5. Ống nội soi đại tràng video kèm phụ kiện tiêu chuẩn</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp hình ảnh độ phân giải cao HDTV hoặc cao hơn</li> <li>- Có hỗ trợ công nghệ tăng cường hình ảnh quang học ở dải bước sóng hẹp hoặc tương đương giúp cải thiện quan sát mạch máu và các cấu trúc khác</li> <li>- Trường nhìn: <math>\geq 170^\circ</math></li> <li>- Hướng nhìn thẳng</li> <li>- Độ sâu trường nhìn: <math>\leq 2 - \geq 100</math> mm</li> <li>- Đường kính ngoài của đầu cuối ống soi: <math>\leq 13.2</math> mm</li> <li>- Đường kính ngoài của thân ống soi: <math>\leq 12.8</math> mm</li> <li>- Đường kính bên trong kênh dụng cụ: <math>\geq 3.7</math> mm</li> <li>- Khoảng cách tối thiểu để nhìn thấy dụng cụ: <math>\leq 3.0</math> mm từ đầu cuối ống soi</li> <li>- Đầu cuối ống soi gồm tối thiểu 7 thành phần: 1 kênh khí/nước, 3 đường dẫn sáng, 1 thấu kính, 1 đầu ra kênh dụng cụ, 1 kênh nước riêng</li> <li>- Độ uốn cong của đầu ống soi: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hướng lên: <math>\geq 180^\circ</math></li> <li>+ Hướng xuống: <math>\geq 180^\circ</math></li> </ul> </li> </ul>		
--	--	--	--	--

		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hướng phải: <math>\geq 160^\circ</math></li> <li>+ Hướng trái: <math>\geq 160^\circ</math></li> <li>- Chiều dài làm việc: <math>\geq 1.300</math> mm</li> <li>- Chiều dài tổng: <math>\geq 1.650</math> mm</li> </ul> <p><b>6. Dụng cụ kiểm tra rò rỉ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tương thích với các ống soi trên, dùng để kiểm tra rò rỉ.</li> </ul> <p><b>7. Kim sinh thiết dạ dày dùng 1 lần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kim sinh thiết dạ dày dùng 1 lần, hàm hình oval, có mở lỗ, chiều dài làm việc <math>\geq 1.550</math>mm</li> </ul> <p><b>8. Kim sinh thiết đại tràng dùng 1 lần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kim sinh thiết đại tràng dùng 1 lần, hàm hình oval, có mở lỗ, chiều dài làm việc <math>\geq 2.300</math>mm</li> </ul> <p><b>9. Xe đẩy hệ thống</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xe có khay đựng máy</li> <li>- Bánh xe có phanh hãm</li> </ul> <p><b>10. Hệ thống in trả kết quả</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy tính: cấu hình tối thiểu như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bộ vi xử lý core i3 <math>\geq 2.6</math> GHz; RAM <math>\geq 4</math> GB,</li> <li>+ Ổ lưu trữ <math>\geq 350</math> GB, màn hình LCD <math>\geq 17</math>";</li> <li>+ Chuột, bàn phím đi kèm</li> </ul> </li> <li>- Máy in màu thông dụng, tốc độ in <math>\geq 15</math> tờ/phút</li> </ul> <p><b>11. Máy hút dịch 2 bình</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại bơm piston không dầu</li> <li>- Áp suất chân không tối đa: <math>\leq - 675</math> mmHg</li> <li>- Tốc độ lưu thông khí tự do tối đa: <math>\geq 60</math> lít/phút</li> <li>- Mức nhiễu ồn: <math>\leq 60</math> dB</li> </ul> <p><b>12. Máy bơm tưới rửa</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng để tưới rửa trong nội soi tiêu hóa</li> <li>- Có thể điều chỉnh tốc độ bơm</li> <li>- Có kèm theo bình chứa nước có thể hấp tiệt trùng được.</li> </ul> <p><b>13. Dao mổ điện cao tần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công suất cắt cực đại: <math>\geq 120</math> W</li> <li>- Công suất cực đại ở chế độ BLEND: <math>\geq 90</math>W- tại trở kháng <math>\leq 200 \Omega</math></li> <li>- Công suất cực đại ở chế độ FORCED COAG: <math>\geq 80</math>W</li> <li>- Công suất cực đại ở chế độ SOFT COAG: <math>\geq 60</math>W tại trở kháng <math>\leq 100 \Omega</math></li> <li>- Công suất cực đại ở chế độ BIPOLAR: <math>\geq 40</math>W tại trở kháng <math>\leq 100 \Omega</math></li> </ul>		
4	<b>Bàn mổ</b>	<p><b>A. Yêu cầu chung</b></p> <p>Năm sản xuất: Năm 2023 trở về sau.  Máy mới 100%</p>	Chiếc	01

		<p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương          Nguồn điện: 220 - 240 V, 50/60Hz          Điều kiện môi trường hoạt động: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.  <b>B.Yêu cầu cấu hình:</b>          Bàn mổ với các phụ kiện tiêu chuẩn đi kèm: 01          Bộ đỡ đầu: 01 bộ          Bộ đỡ tay: 01 bộ          Bộ đỡ chân : 01 bộ          Bảng điều khiển: 01 chiếc          Sách hướng dẫn sử dụng: 01 bộ  <b>Yêu cầu kỹ thuật:</b>          Bàn mổ đa năng , Thích hợp cho phẫu thuật tổng quát và chuyên khoa.          Chiều dài mặt bàn (có đầu) : <math>\geq 2000</math> mm          Chiều rộng mặt bàn (có ray bên) <math>\geq 570</math> mm          Chiều cao thấp nhất : <math>\leq 700</math> mm          Chiều cao tối đa : <math>\geq 1000</math> mm          Phạm vi nâng mặt <math>\geq 300</math>mm          Tư thế ngả trước/ngả sau: <math>\geq 30^\circ</math>          Tư thế nghiêng : <math>\geq 20^\circ</math>          Tấm đỡ lưng Trở lên <math>\geq 75^\circ</math> Xuống dưới <math>\geq 20^\circ</math>          Tấm đỡ đầu (Có thể tháo rời) Trở lên <math>\geq 45^\circ</math> Xuống dưới <math>\geq 50^\circ</math>          Tấm đỡ chân (Có thể tháo rời) Xuống dưới <math>\geq 90^\circ</math>          Hướng ra ngoài <math>\geq 90^\circ</math>          Tải trọng làm việc tối đa cho phép <math>\geq 200</math>kg</p>		
5	<b>Máy gây mê kèm thở</b>	<p><b>A.Yêu cầu chung:</b>          Sản xuất từ năm 2024 trở về sau.          Máy mới 100%          Đạt chứng chỉ chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương          Nguồn điện: 220 - 240 V, 50/60Hz          Điều kiện môi trường hoạt động: theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.  <b>B.Yêu cầu về cấu hình:</b>          Máy chính: 01 chiếc          Phụ kiện kèm theo bao gồm:          Dây thở kèm bóng bóp cho người lớn sử dụng nhiều lần: 01 bộ          Dây thở kèm bóng bóp cho trẻ em sử dụng nhiều lần 01 bộ          Mặt nạ gây mê dùng nhiều lần cho người lớn: 01 cái          Mặt nạ gây mê dùng nhiều lần cho trẻ em: 01 cái</p>	Chiếc	01



		<p>Dây dẫn khí thải mê: 01 cái  Dây dẫn khí Oxy: 01 cái  Dây dẫn khí nén: 01 cái  Cảm biến Oxy: 01 cái  Cảm biến lưu lượng, loại sử dụng nhiều lần: <b>05 hộp</b>  Bộ lưu lượng kế oxy, tích hợp gắn ngoài: 01 bộ  Bình bốc hơi Sevoflurane: 01 bình  Bình hấp thụ CO2: 01 bộ  Can vôi sô-đa 5 lít: 01 can  Monitor theo dõi khí mê : 01 chiếc  Dây trích khí lấy mẫu: 01 hộp  Bẫy nước: 01 hộp  Xe đẩy đồng bộ với 4 bánh xe có phanh hãm: 01 bộ  Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ</p> <p><b>C.Yêu cầu về kỹ thuật:</b></p> <p><b>1.Phần máy mê:</b></p> <p><b>1.1. Tính năng chung:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng để gây mê cho người lớn và trẻ em</li> <li>- Thích hợp cho gây mê dòng thấp</li> <li>- Có thể hoạt động bằng ác quy tích hợp bên trong máy với thời gian hoạt động: <math>\geq 45</math> phút</li> <li>- Có 2 hệ thống khí: khí O2 và khí nén. <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khí O2: <math>\leq 1</math> đến <math>\geq 10</math> lít/phút.</li> <li>+ Khí nén: <math>\leq 1</math> đến <math>\geq 12</math> lít/phút.</li> </ul> </li> <li>- Cung cấp Oxy khẩn cấp với lưu lượng cực đại khoảng <math>\geq 35</math> lít/phút</li> <li>- Có van xả an toàn.</li> </ul> <p><b>1.2. Bình bốc hơi:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có khoá an toàn đảm bảo chỉ một loại thuốc mê được sử dụng khi lắp đồng thời <math>\geq 02</math> bình bốc hơi.</li> <li>- Có công thải khí mê thừa</li> </ul> <p><b>1.3. Hệ thống thở lại với bình vôi sô đa để hấp thụ thán khí:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống đường thở tích hợp với bình hấp thụ CO2 dùng nhiều lần, dung tích tiêu chuẩn <math>\geq 1,5L</math>. Có van APL giúp điều chỉnh giới hạn áp lực; xả khí thừa trong quá trình bóp bóng bằng tay và bệnh nhân tự thở.</li> </ul> <p><b>2.Máy thở:</b></p> <p><b>2.1. Các tính năng chung:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có chế độ tự kiểm tra máy</li> <li>- Có chức năng kiểm tra độ rò rỉ (hệ thống ống thở, máy thở, van xả an toàn vv....) và đo độ giãn nở hệ thống</li> </ul>		
--	--	---	--	--

		<p>- Có chức năng khôi phục lại thông số đã được cài đặt mặc định (thể tích thở, áp lực thở, các giới hạn báo động, âm lượng báo động, vv...)</p> <p>- Các chế độ thở tiêu chuẩn tối thiểu bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thở bóp bóng bằng tay (MAN)</li> <li>+ Bệnh nhân tự thở (SPONT)</li> <li>+ Thông khí kiểm soát thể tích (VCV)</li> <li>+ Thông khí kiểm soát áp lực (PCV)</li> <li>+ Thông số hỗ trợ áp lực ngắt quãng đồng thì (SIMV).</li> </ul> <p><b>2.2. Các thông số cài đặt:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể tích khí lưu thông (VT): <math>\leq 20 - \geq 1400</math> ml</li> <li>- Tần số thở : <math>\leq 4 - \geq 60</math> nhịp / phút</li> <li>- Áp lực dương cuối kỳ thở ra PEEP: <math>0 - \geq 20</math> cm H<sub>2</sub>O</li> <li>- Tỷ lệ hít vào/thở ra: <math>\geq 4:1</math> tới <math>\leq 1:4</math></li> <li>- Giới hạn áp lực (Pmax): <math>\leq 15 - \geq 70</math> cm H<sub>2</sub>O</li> <li>- Tỷ lệ ngừng thở vào (T<sub>ip</sub>/T<sub>i</sub>): <math>0 - \geq 50\%</math></li> <li>- Lưu lượng hít vào (InspFlow): <math>\leq 10 - \geq 75</math>L/phút</li> <li>- Áp lực hít vào (P<sub>insp</sub>): PEEP <math>\leq +5 - \geq 65</math> cm H<sub>2</sub>O</li> </ul> <p><b>3. Chức năng theo dõi:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Màn hình hiển thị độ phân giải cao, kích thước: <math>\geq 6</math> inch</li> <li>- Hiển thị tối thiểu các tham số: Tần số thở;, áp lực đỉnh đường thở, và áp lực trung bình hoặc áp lực cao nguyên.</li> </ul> <p><b>4. Cài đặt báo động:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo động tối thiểu bằng âm thanh.</li> <li>- Báo động với <math>\geq 3</math> mức độ cảnh báo khác nhau</li> <li>- Cài đặt báo động: ít nhất gồm các thông số sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nồng độ O<sub>2</sub> thở vào: Cao/ thấp.</li> <li>+ Thể tích mỗi phút thở ra: Cao/ thấp.</li> <li>+ Áp lực đường thở Cao.</li> </ul> </li> <li>- Có chức năng tạm dừng báo động trong thời gian 2 phút.</li> <li>- Hiển thị thông báo trên màn hình khi có sự bất thường hoặc các thông số vượt quá giá trị cài đặt</li> </ul> <p><b>5. Hệ thống xe đẩy:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xe đẩy di chuyển bằng 4 bánh xe, có phanh hãm</li> <li>- Có ít nhất 3 ngăn kéo đựng dụng cụ</li> <li>- Có bàn ghi chép cho bác sỹ</li> </ul> <p><b>6. Các thông số kỹ thuật khác:</b> Có cổng kết nối truyền thông dữ liệu.</p> <p><b>7. Monitor theo dõi khí mê</b> Đặc tính chung:</p>		
--	--	--	--	--

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các thông số đo gồm: CO<sub>2</sub>, N<sub>2</sub>O, 05 loại khí mê</li> <li>- Thời gian đáp ứng : &lt; 500 ms (với các loại khí mê), &lt; 350 ms (với khí CO<sub>2</sub>)</li> <li>- Độ chính xác đo: Tuân theo tiêu chuẩn đo ISO 21647 hoặc tương đương</li> <li>-Tốc độ lấy mẫu: ≥200 ml/phút</li> </ul> <p>Hiện thị:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiện thị đồ thị dạng sóng khí CO<sub>2</sub>,</li> <li>- Nhịp mạch.</li> <li>- Hiện thị con số cho các thông số: Nồng độ thở vào, nồng độ cuối kỳ thở ra cho các khí CO<sub>2</sub>, N<sub>2</sub>O, khí mê đang sử dụng</li> </ul>		
--	--	--	--

**Ghi chú:** Yêu cầu của trung tâm là yêu cầu tối thiểu; các hãng sản xuất, nhà cung cấp khi gửi báo giá phải gửi cấu hình báo giá chi tiết (thông số kỹ thuật phải tương đương hoặc cao hơn)

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt, giao hàng tại Trung tâm Y tế huyện Sơn Động, Địa chỉ: Thị trấn An Châu huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.
3. Thời gian giao hàng dự kiến: Đến 31/12/2024.
4. Các thông tin khác (nếu có).

**Nơi nhận:**

- Công TT đơn vị;
- Lưu: VT, KD, HSĐT.

**GIÁM ĐỐC**



**Đào Văn Hải**

## PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số /TTYT-DVT&TBYT ngày /9/2024 của Trung tâm Y tế huyện Sơn Động)

### BÁO GIÁ HÀNG HOÁ

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện Sơn Động

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi .... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

#### 1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

T	Danh mục thiết bị y tế <sup>(2)</sup>	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất <sup>(3)</sup>	Mã HS <sup>(4)</sup>	Năm sản xuất <sup>(5)</sup>	Xuất xứ <sup>(6)</sup>	Số lượng/khối lượng <sup>(7)</sup>	Đơn giá <sup>(8)</sup> (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan <sup>(9)</sup> (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) <sup>(10)</sup> (VND)	Thành tiền <sup>(11)</sup> (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 100 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp**<sup>(12)</sup>  
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

**Ghi chú:**

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.